

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST

Ngày 26-8-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và ông Trần Viết Trà.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Ngọc Anh, là Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 177/11, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 13, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1979 và ông Lê Quý H(tên gọi khác: Tư), sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Số nhà 118, đường Trần Quý Cáp, tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy T trình bày: Do quen biết từ trước nên vào ngày 13/6/2019, bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H có vay của tôi số tiền 400.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền. Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Nhưng trong giấy vay tiền thì không ghi lãi suất, không ghi thời hạn vay. Thực tế thì hai bên thống nhất với nhau là thời hạn vay 03 tháng. Đến ngày hẹn trả tiền, tôi đã nhiều lần báo trước và yêu cầu trả tiền nhưng cho bà T và ông H không chịu trả mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Bà Thúy T yêu cầu Tòa án buộc bà Mỹ T và ông H phải liên đới trả nợ cho bà số tiền

nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 13/6/2019 đến nay.

Bản tự khai ngày 13/5/2020, bị đơn là bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H trình bày: Vào ngày 05/02/2019 vợ chồng tôi có vay mượn của chị Thúy T số tiền 400.000.000 đồng, mỗi tháng đóng số tiền lãi theo thỏa thuận là 16.000.000 đồng. Ngày 13/6/2019, vợ chồng tôi có mang xuống trả gốc và vay lại số tiền trên để đưa cho anh Nguyễn Trường S. Ngày 16/8/2019, ông S bỏ trốn khỏi địa phương, nên chúng tôi đã làm đơn trình báo với Công an tỉnh Gia Lai. Sau đó chúng tôi có gọi vợ chồng chị Thúy T xuống nhà trình bày sự việc và tôi xin trả dần số tiền trên cho chị Thúy T, nhưng chị không đồng ý. Sau khi ông S bỏ đi thì chúng tôi vẫn đóng tiền lãi cho bà Thúy T 2 tháng 9 và 10/2019 thì chúng tôi không còn khả năng trả tiền nữa. Chúng tôi có trao đổi với chị Thúy T là cần miếng đất trên huyện cho chị để trả hết số tiền vay mượn trên nhưng chị Thúy T không đồng ý.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H phải liên đới trả cho bà Thúy T số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 0,8%/tháng tính từ ngày 13/6/2019 đến nay và trừ đi số tiền lãi 48.000.000 đồng bà T tính đã nhận trước đó.

- Bị đơn là bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H thống nhất với nội dung của nguyên đơn về số tiền bị đơn hiện nay còn nợ nguyên đơn 400.000.000 đồng tiền gốc và đồng ý trả lãi suất cho nguyên đơn như yêu cầu của nguyên đơn đưa ra. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên bị đơn xin được trả dần hàng tháng, nhưng không ấn định số tiền trả bao nhiêu và không đồng ý trả lãi suất.

-Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; bị đơn là bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H có địa chỉ tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy T, buộc bị đơn là bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H phải liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi suất

theo mức 0,8%/tháng tính từ ngày 13/6/2019 đến nay và trừ đi số tiền lãi 48.000.000 đồng bà Thúy T đã nhận năm 2019.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định được rằng chồng bà Thúy T là ông Nguyễn Văn L không liên quan đến vụ án nên không đưa ông L vào tham gia tố tụng.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ tiền theo Giấy vay tiền. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Bị đơn là bà Võ Thị Mỹ T và ông Lê Quý H có địa chỉ cư trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chứng cứ gốc do nguyên đơn là bà Thúy T cung cấp cho Tòa án, gồm: 01 *“Giấy vay tiền”* đề ngày 13/6/2019 âm lịch, có chữ ký của người vay là ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T, số tiền vay là 400.000.000 đồng, không ghi lãi suất, không kỳ hạn. Bị đơn là ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T công nhận giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T viết.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều công nhận: Ngày 13/6/2019, ông H và bà T có vay của bà Thúy T số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay tiền có viết giấy vay tiền, vay không thời hạn và có lãi suất vay là 4%/tháng. Ông H và bà T đã trả cho bà Thúy T được 03 tháng tiền lãi là 48.000.000 đồng. Từ tháng 10/2019 đến nay ông H và bà T không trả lãi suất cho bà Thúy T nữa. Trước khi khởi kiện, bà Thúy T đã thông báo và nhiều lần yêu cầu ông H và T phải trả tiền nhưng không trả.

[6] Khi xác lập hợp đồng vay tiền, các bên tham gia giao dịch đều có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng vay tiền có hiệu lực.

Từ những nhận định tại các luận điểm [3] đến [6] nêu trên đã đủ căn cứ khẳng định: Ngày 13/6/2019, ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T có vay của bà Nguyễn Thị Thúy T số tiền 400.000.000 đồng đến nay chưa trả. Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi vay, không ghi thời hạn trả nợ, nhưng các bên đương sự đều công nhận là vay tiền có lãi suất, không thời hạn. Đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi quy định tại Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự, cụ thể: *“Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp*

lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý”. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy T là có cơ sở và được Tòa án chấp nhận.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày 13/6/2019 đến nay là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi suất cụ thể là:

$400.000.000 \text{ đồng} \times 9,6\%/\text{năm} \times 439 \text{ ngày} : 365 \text{ ngày} = 46.185.205 \text{ đồng}.$

Bà Thúy T đã nhận 03 tháng tiền lãi suất của ông H và bà T, theo mức lãi suất 4%/tháng, số tiền đã nhận 48.000.000 đồng là vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất lấy số tiền lãi 48.000.000 đồng bà Thúy T đã nhận trừ đi số tiền lãi theo yêu cầu của bà Thúy T mà ông H và T phải có nghĩa vụ trả. Thúy T đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Thúy T đã nhận số tiền lãi là: 48.000.000 đồng, nhưng số tiền lãi phải trả do bà Thúy T yêu cầu là: 46.185.205 đồng nên số tiền lãi đã nhận vượt quá đó sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc, cụ thể như sau:

$400.000.000 \text{ đồng} + 46.185.205 \text{ đồng} - 48.000.000 \text{ đồng} = 398.185.205 \text{ đồng}.$

[8] Ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T có quan hệ vợ chồng và cùng vay tiền để nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống gia đình. Vì vậy, ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thúy T, số tiền: 398.185.205 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Theo lời khai của bà T và ông H, sau khi vay tiền của bà Thúy T về, ông bà đã cho ông Nguyễn Trường S vay số tiền đó, và ông S đã bỏ trốn dẫn đến bà T và ông H trả được tiền cho bà Thúy T. Ngoài lời khai của bà T và ông H ra thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông S có liên quan đến số tiền mà bà T đã cho vay, và các đương sự không yêu cầu đưa ông S vào tham gia tố tụng. Trường hợp ông H và bà T có cho ông S vay số tiền đó, thì ông H và T có quyền khởi kiện ông S ở một vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 288, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự;
Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy T.

2. Buộc ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T phải liên đới trả số tiền nợ gốc là: 398.185.205(bằng chữ: Ba trăm chín mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm) đồng cho bà Nguyễn Thị Thúy T.

3. Nghĩa vụ chịu lãi do chậm thanh toán: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn là ông Lê Quý H và bà Võ Thị Mỹ T phải liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 19.909.260(bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm lẻ chín nghìn hai trăm sáu mươi) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thúy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Thúy T số tiền 10.300.000 (bằng chữ: Mười triệu ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0004722 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Người kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (26-8-2020).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường

